TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28/12/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
Giữa chị Vàng Thị D và anh Tráng A V.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tòng Văn Quân

2. Ông Vàng Chứ Vừ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2017, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị D - Sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Tráng A V - Sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (*Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội 48, phân trại 1, trại giam N, tỉnh Điện Biên)*. Vắng mặt có lý do.

Người có quyền lợi và lợi ích được bảo vệ: Cháu Tráng Thị T - sinh ngày 13/3/2010. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người phiên dịch: Anh Vàng Chồng C - Sinh năm: 1990. Địa chỉ: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2017, biên bản ghi lời khai ngày 30/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Vàng Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị D và anh Tráng A V cưới hỏi theo phong tục dân tộc người Mông và về sống với nhau từ năm 2007 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung, đến năm

2015 anh V buôn bán ma túy bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tuyên phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại trại giam N. Từ ngày anh V bị bắt chị D phải nuôi con một mình và ở cùng gia đình bên chồng thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn với bố chồng nên đến tháng 02/2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản T, xã H sinh sống cho đến nay. Hơn nữa, chị D cho rằng anh V bị kết án 20 năm tù nên chị không thể đợi anh V ra tù được, hiện tại chị còn phải nuôi con rất vất vả, khó khăn cả về kinh tế lẫn thiếu thốn về tình cảm. Vì vậy, chị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tráng A V để chị có cuộc sống mới.

- *Về con cái và cấp dưỡng nuôi con*: Chị D và anh Tráng A V có 01 con chung là cháu Tráng Thị T - sinh ngày 13/3/2010. Hiện nay, cháu đang sống cùng ông bà nội. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu anh V ra tù về cháu T theo ai là quyền của cháu.

- *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tráng A V có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án vì đang phải chấp hành hình phạt tù và có bản tự khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh V thừa nhận hôn nhân với chị D không đăng ký kết hôn mà về sống như vợ chồng từ năm 2007 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, do điều kiện kinh tế khó khăn, nên anh đã buôn bán trái phép chất ma túy và bị bắt năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 48, phân trại 1, trại giam N, tỉnh Điện Biên. Nay, chị D yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với vợ.

- *Về con chung*: Anh Tráng A V nhất trí với lời khai của chị D là hai người có một con chung là cháu Tráng Thị T, trường hợp phải ly hôn thì anh muốn được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung của hai vợ chồng*: Anh V đồng ý với ý kiến của chị D là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và lợi ích được bảo vệ: Cháu Tráng Thị T - sinh ngày 13/3/2010 đã được Tòa án hỏi ý kiến, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ vì bố đang phải chấp hành phạt tù không trực tiếp nuôi dưỡng cháu được.

Viện kiểm sát tham dự phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Tráng A V; giao cháu Tráng Thị T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; Buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vàng Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung cho nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông.

Bị đơn anh Tráng A V có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đang chấp hành hình phạt tù tại đội 48, phân trại 1, trại giam N, tỉnh Điện Biên. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tráng A V.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét quan hệ hôn nhân của các đương sự thấy rằng: Mặc dù chị Vàng Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Tráng A V vì lý do chồng đi tù 20 năm không thể chờ đợi được và anh Tráng A V không nhất trí ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với chị D. Nhưng các đương sự đều khẳng định giữa các đương sự về chung sống với nhau chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị Vàng Thị D có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Tráng A V.

[2.2]. Về con chung: Giữa chị Vàng Thị D và anh Tráng A V có 01 con chung là cháu Tráng Thị T - Sinh ngày: 13/3/2010 như các đương sự đã khai nhận. Mặc dù các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng Hội đồng xét xử xét thấy anh Tráng A V đang chấp hành hình phạt tù không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con được; bản thân của cháu Tráng Thị T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận là giao cháu T cho chị Vàng Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục theo các Điều 81;82;83 của Luật hôn nhân và gia đình. Do chị D không yêu cầu anh Tráng A V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền nuôi con, và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[2.3]. *Về tài sản riêng;tài sản chung; Nợ chung, nợ riêng*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Vàng Thị D yêu cầu Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm vì lý do là người dân tộc thiểu số và hiện đang cư trú tại xã Háng Lìa là xã có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều

15 theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81;82;83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị D và anh Tráng A V.

2. Về con chung: Giao cháu Tráng Thị T - Sinh ngày 13/3/2010 cho chị Vàng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Tráng A V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Vàng Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/12/2017). Anh Tráng A V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã T và xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga